

Bản án số: 61/2024/HS-ST
Ngày: 10 - 5- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
- Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Ngh, sinh ngày 20/4/1987, tại L; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu C (chết) và bà Nguyễn Thanh B; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: có 01 tiền án:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2013/HSST ngày 17/6/2013 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Ngh 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 14/10/2013, bị cáo Ngh chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 15/11/2023, bị cáo Ngh chấp hành xong án phí hình sự, dân sự. Bị cáo Ngh chưa chấp hành xong nộp tiền thu lợi bất chính là 6.200.000 đồng và 12.000.000 đồng phần trách nhiệm dân sự.

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2015/HSST ngày 18/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Ngh 02 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày

19/11/2016, bị cáo Ngh chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 12/8/2015, bị cáo Ngh chấp hành xong án phí hình sự; Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2024 đến nay (có mặt).

Bị hại: Nguyễn Minh A, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Thạnh A, xã Trung A, huyện C, thành phố H.

Tạm trú: Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lê Thị Thu Y, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Thanh Ng, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ô6, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị B, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Lâm Trúc M, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 12 tháng 01 năm 2024, Nguyễn Minh A điều khiển xe mô tô biển số 83X2-120.31 chở bị cáo Nguyễn Hữu Ngh đến phòng trọ số 03 nhà trọ bảng hiệu Anh Dũng thuộc Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L do Nguyễn Minh A thuê để ăn cơm cùng A. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, A đi chợ, bị cáo Ngh ở lại một mình tại phòng trọ, trong lúc quét dọn phòng, bị cáo Ngh nhìn thấy số tiền 5.000.000đồng và 01 tờ giấy biên nhận cầm 01 sợi dây chuyền vàng dạng xoắn, trọng lượng 02 chỉ 07 phân, loại 18K của A để trong túi vải màu xanh đặt trên bàn trong phòng trọ nên bị cáo Ngh nảy sinh ý định chiếm đoạt số tài sản này. Bị cáo Ngh lấy số tiền 5.000.000đồng cất giấu vào túi quần sọt phía trước, bên phải đang mặc trên người và lấy tờ giấy biên nhận cầm vàng cất giấu vào túi quần sọt, phía sau, bên phải đang mặc trên người rồi tiếp tục ở phòng trọ đợi A về. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, A về đến phòng trọ, bị cáo Ngh mượn xe mô tô của A điều khiển xe mô tô đến tiệm vàng bảng hiệu Sáu Trâm thuộc Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, bị cáo Ngh bán 01 sợi dây chuyền vàng loại 18K, trọng lượng 02 chỉ 07 phân của A đã cầm cố trước đó cho bà Lê Thị Thu Y, được số tiền 6.700.000đồng, bị cáo Ngh tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bị cáo Ngh quay lại phòng trọ của A, đến 14 giờ 30 phút cùng ngày A đưa Nghĩa về nhà trọ của bị cáo Ngh. Ngày 18/01/2024, Nguyễn Minh A đến Công an thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L tố giác vụ việc. Đến ngày 22/01/2024, bị

cáo Nguyễn Hữu Ngh đến Công an thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L đầu thú hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ là 01 áo khoác màu vàng, cam, đen; 01 đôi dép màu đen, quai hậu, có dòng chữ FACOTA; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh L, kết luận: “01 dây chuyền vàng loại xoắn 2 chỉ 7 phân loại vàng 18K, trị giá 10.260.000 đồng.”

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKSĐH ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh L truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Ngh về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Ngh hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Nguyễn Minh A trình bày tại Cơ quan điều tra: Khoảng 12 giờ, ngày 12/01/2024, bà bị mất trộm số tiền 5.000.000đồng và 01 tờ giấy biên nhận cầm 01 sợi dây chuyền vàng dạng xoắn, trọng lượng 02 chỉ 07 phân, loại 18K. Ngoài ra, bà không bị mất tài sản gì khác. Về trách nhiệm hình sự thì yêu cầu Tòa án xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, bà yêu cầu bị cáo Ngh trả lại cho bà số tiền 10.100.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thu Y trình bày như sau: Bà kinh doanh tư nhân tiệm vàng Sáu Trầm thuộc địa chỉ 21A, Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Khoảng 13 giờ ngày 12/01/2024, có 01 nam thanh niên đến đưa cho bà biên nhận cầm vàng và nói cần bán vàng. Sau khi kiểm tra và xác định đúng biên nhận của tiệm vàng thì bà lấy ra sợi dây chuyền vàng 18K và mua với số tiền 6.700.000đồng, bà đưa tiền cho nam thanh niên. Sau khi mua lại sợi dây chuyền, bà đã cho nhân viên nấu tái chế. Bà không biết nam thanh niên có biên lai cầm đồ đến chuộc vàng là do thực hiện hành vi phạm tội mà có. Nay trong vụ án này, bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thanh Ng trình bày như sau: Bà kinh doanh mua bán và sửa chữa điện thoại cũ, mới các loại, dịch vụ cầm đồ tại hộ kinh doanh Duy Hiếu thuộc Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Vào khoảng 13 giờ 20 phút ngày 12/01/2024, bị cáo Ngh đến cửa hàng mua 01 card điện thoại mobi mệnh giá 100.000đồng và đưa cho bà 300.000đồng cùng với phí 20.000đồng để nạp vào tài khoản của Nghĩa. Bà nhận tiền và thực hiện chuyển tiền như bị cáo Ngh yêu cầu. Bị cáo Ngh tiếp tục mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung A11 màu xanh đen với giá 1.900.000đồng, chuộc lại 01 điện thoại Iphone 6 và 01 Ipad. Đến Ngày 15/01/2024, bị cáo Ngh đến bán lại điện thoại Samsung A11 màu xanh đen. Sau đó, bà bán điện thoại này lại cho khách hàng khác. Nay bà không có ý kiến gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B trình bày tại Cơ quan điều tra như sau: Bà đứng tên chủ đăng ký kinh doanh dùm bà Lê Thị Thanh Ng tại cửa hàng Duy H thuộc số 9/228H, Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Tuy nhiên, mọi hoạt động của cửa hàng đều do bà Nga kinh doanh. Bà không biết đến hoạt động của cửa hàng. Nay trong vụ án này, bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L phát biểu:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu Ngh phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên vào 12 giờ ngày 12/01/2024, bị cáo Ngh có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Minh A số tiền 5.000.000đồng, 01 tờ giấy biên nhận cầm 01 sợi dây chuyền loại 18K, trọng lượng 02 chỉ 07 phân, trị giá 10.260.000đồng của Nguyễn Minh A để trong túi xách bằng vải đặt trong phòng trọ, tổng tài sản Nghĩa chiếm đoạt của Anh là 15.260.000đồng. Hành vi của bị cáo Ngh đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Ngh theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Bị cáo đầu thú hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2013, bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích. Đây thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Ngh phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Ngh mức hình phạt từ 01 năm 3 tháng đến 01 năm 6 tháng tù.

Về tang vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu vàng, cam, đen; 01 đôi dép màu đen, quai hậu, có dòng chữ FACOTA.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Ngh 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại – bà Nguyễn Minh A yêu cầu bị cáo Ngh bồi thường thiệt hại tổng số tiền 10.100.000đồng, bị cáo Ngh đồng ý nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Đối với Lê Thị Thu Y có hành vi mua số vàng từ bị cáo Nguyễn Hữu Ngh, nhưng Y không biết, tờ giấy biên nhận cầm vàng là do bị cáo Ngh phạm tội mà có, nên hành vi của Y không cấu thành các tội phạm có liên quan nên không đề cập, xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu Ngh tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng trong quá trình điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 12 giờ ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại phòng trọ số 03 nhà trọ bảng hiệu Anh D thuộc Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, bị cáo Nguyễn Hữu Ngh có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng và 01 tờ giấy biên nhận cầm 01 sợi dây chuyền vàng, loại 18K, trọng lượng 02 chỉ 07 phân, trị giá 10.260.000 đồng của Nguyễn Minh A để trong túi xách bằng vải đặt trong phòng trọ, tổng giá trị tài sản bị cáo Ngh chiếm đoạt của Anh là 15.260.000 đồng. Sau đó, bị cáo Ngh đến tiệm vàng bảng hiệu Sáu Trầm thuộc Ô3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L bán số vàng nêu trên được số tiền 6.700.000 đồng, bị cáo Ngh tiêu xài cá nhân hết số tiền đã chiếm đoạt. Đến ngày 22/01/2024, bị cáo Nguyễn Hữu Ngh đến Công an thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L đầu thú hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo Ngh đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L truy tố bị cáo Nguyễn Hữu

Ngh theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Ngh gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của bà Nguyễn Minh A, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương.

Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Năm 2013, bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích. Đây thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Bị cáo đầu thú hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu Ngh là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

[5.1]. Đối với 01 áo khoác màu vàng, cam, đen; 01 đôi dép màu đen, quai hậu, có dòng chữ FACOTA là tài sản hợp pháp của bị cáo Ngh, không sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[5.2]. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng, là tài sản hợp pháp của bị cáo Ngh, không sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có yêu cầu nhận lại nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Ngh.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Minh A yêu cầu bị cáo Ngh bồi thường thiệt hại tổng số tiền 10.100.000đồng, bị cáo Ngh đồng ý nên HĐXX ghi nhận, buộc bị cáo Ngh bồi thường cho bà A số tiền 10.100.000đồng.

Đối với Lê Thị Thu Y có hành vi mua số vàng từ bị cáo Nguyễn Hữu Ngh, nhưng Y không biết, tờ giấy biên nhận cầm vàng là do bị cáo Ngh phạm tội mà

có, nên hành vi của Y không cấu thành các tội phạm có liên quan nên không đề cập, xem xét đến.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Hữu Ngh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, tất cả sung Ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Ngh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Ngh 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2024.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu Ngh 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2024) để đảm bảo thi hành án.

Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu vàng, cam, đen; 01 đôi dép màu đen, quai hậu, có dòng chữ FACOTA.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Ngh 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng.

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh L đang quản lý theo biên bản số 86-17/04/2024 ngày 17/4/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Ngh có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Minh A số tiền 10.100.000đồng (Mười triệu, một trăm ngàn đồng chẵn).

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Hữu Ngh nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 505.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CQ CSĐT huyện Đức Hòa;
- CQ Thi hành án hình sự huyện Đức Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Kim Cương**

